TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: 35/2025/DS-ST
Ngày: 27-8-2025
V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Thoa;

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đào Thị Ngâm;

Bà Lê Thị Đông Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Đức Duy, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Ông Huỳnh Tấn Phát - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2025 về "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần (viết tắt: TMCP) Đ; địa chỉ: số M đường T, phường H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Lê Ngọc L - Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trương Đình L - Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Đ - Ngân hàng TMCP phần Đ - Chi nhánh P theo văn bản uỷ quyền số 1301/QĐ-BIDV.PY ngày 18/6/2025; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Bùi Nam B, sinh năm 1978; cư trú tại: thôn H, xã S, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 05/3/2025 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ do người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Ngày 20/9/2023, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh P và ông

Bùi Nam B đã ký Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2023/650538/HĐTD với số tiền ông B vay là 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng, thời hạn vay: 12 tháng; mục đích vay: phục vụ nhu cầu tiêu dùng của cá nhân và gia đình; lãi suất 7,5%/năm và được thả nổi, điều chỉnh 3 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả bằng 10%/năm/số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngày 26/9/2023, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh P và ông Bùi Nam B đã ký Hợp đồng tín dụng số 01/2023/650538/HĐTD với số tiền ông B vay là 300.000.000 đồng, thời hạn vay: 60 tháng; mục đích vay: tiêu dùng, lãi suất áp dụng 7,5%/năm trong 12 tháng đầu tiên. Hết thời gian ưu đãi sẽ áp dụng lãi suất thả nổi điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đối với nợ gốc quá hạn; lãi chậm trả bằng 10%/năm/số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Sau khi vay, ông Bùi Nam B không thực hiện việc trả nợ đúng như thoả thuận trong Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi và Hợp đồng tín dụng; đến ngày 11/3/2024 đã chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, thông báo nhắc nợ nhưng ông B vẫn không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả nợ vay của mình. Tính đến ngày 24/6/2025, ông Bùi Nam B còn nợ của Ngân hàng khoản tiền sau: Đối với Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi: nợ gốc: 199.864.663 đồng; nợ lãi: 16.573.543 đồng; lãi chậm trả gốc: 5.327.870 đồng. Cộng: 221.766.076 đồng. Đối với Hợp đồng tín dụng số 01/2023/650538/HĐTD: nợ gốc: 265.600.000 đồng; nợ lãi: 31.421.651 đồng; lãi chậm trả lãi: 678.332 đồng; lãi chậm trả gốc: 2.100.843 đồng. Cộng: 299.800.826 đồng. Tổng cộng dư nợ 02 khoản vay là: 521.566.902 đồng.

Nay, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Bùi Nam B phải trả cho Ngân hàng số tiền nói trên.

Bị đơn ông Bùi Nam B vắng mặt nên không có ý kiến trình bày và Toà án không tiến hành hoà giải được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Tính đến ngày 27/8/2025, ông Bùi Nam B còn nợ theo Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi là: nợ gốc: 199.864.663 đồng, nợ lãi: 18.988.347 đồng, lãi chậm trả gốc: 6.535.265 đồng. Cộng: 225,388,275 đồng. Theo Hợp đồng tín dụng là: nợ gốc: 265.600.000 đồng, nợ lãi: 36.051.824 đồng, lãi chậm trả lãi: 1.240.969 đồng, lãi chậm gốc: 2.760.515 đồng. Cộng: 305,653,308 đồng. Tổng cộng nợ hai khoản vay là: 531.041.583 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn vắng mặt không có lý do là không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc không cung cấp chứng cứ và chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – chi nhánh P và ông Bùi Nam B có ký Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi ngày 20/9/2023 và Hợp đồng tín dụng ngày 26/9/2023. Sau khi vay, ông B không trả nợ đúng hạn nên khoản nợ trên đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 11/3/2024. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông B trả nợ vay là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 463, 466 của Bộ luật dân sự; các điều 100, 103 của Luật các tổ chức tín dụng; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn ông Bùi Nam B phải trả cho nguyên đơn nợ gốc theo Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi 199.864.663 đồng và lãi phát sinh, nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng 265.600.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Bùi Nam B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Ngày 20/9/2023, giữa nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh Phú Yên và bị đơn ông Bùi Nam B có ký Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2023/650538/HĐTD để cho bị đơn vay số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng, thời hạn vay: 12 tháng; mục đích vay: phục vụ nhu cầu tiêu dùng của cá nhân và gia đình; lãi suất 7,5%/năm và được thả nổi, điều chỉnh 3 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả bằng 10%/năm/số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Đến ngày 26/9/2023, nguyên đơn và bị đơn tiếp tục ký Hợp đồng tín dụng số 01/2023/650538/HĐTD để cho bị đơn vay số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay: 60 tháng; mục đích vay: tiêu dùng; lãi suất áp dụng 7,5%/năm trong 12 tháng đầu tiên. Hết thời gian ưu đãi sẽ áp dụng lãi suất thả nổi điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đối với nợ gốc quá hạn; lãi chậm trả bằng 10%/năm/số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Sau khi vay, bị đơn ông Bùi Nam B không thực hiện việc trả nợ đúng như thoả thuận và cam kết trong các Hợp đồng; các khoản nợ đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 11/3/2024. Tính đến ngày xét xử (ngày 27/8/2025), bị đơn còn nợ của nguyên đơn số tiền theo Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi là: nợ gốc: 199.864.663 đồng, nợ lãi: 18.988.347 đồng, lãi chậm trả gốc: 6.535.265 đồng. Theo Hợp đồng tín dụng là: nợ gốc: 265.600.000 đồng, nợ lãi: 36.051.824 đồng, lãi chậm trả lãi: 1.240.969 đồng, lãi chậm gốc: 2.760.515 đồng; tổng cộng nợ hai khoản vay là 531.041.583 đồng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn trả các khoản nợ nói trên.

[3] Việc bị đơn vay tiền của nguyên đơn nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng thời hạn theo thoả thuận trong Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi và Hợp đồng tín dụng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại Điều 280 và Điều 466 của Bộ luật dân sự. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn trả khoản tiền

nói trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 280, 463, 466 của Bộ luật dân sự; các điều 100, 103 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Buộc bị đơn ông Bùi Nam B phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền 531.041.583 (Năm trăm ba mươi mốt triệu không trăm bốn mươi mốt nghìn năm trăm tám mươi ba) đồng (trong đó: nợ theo Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi: nợ gốc: 199.864.663 đồng, nợ lãi: 18.988.347 đồng, lãi chậm trả gốc: 6.535.265 đồng; nợ theo Hợp đồng tín dụng: nợ gốc: 265.600.000 đồng, nợ lãi: 36.051.824 đồng, lãi chậm trả lãi: 1.240.969 đồng, lãi chậm gốc: 2.760.515 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/8/2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận trong Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi và Hợp đồng tín dụng.

2. Về án phí: Bị đơn ông Bùi Nam B phải chịu 25.242.000 (Hai mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.103.000 (Mười hai triệu một trăm lẻ ba nghìn) đồng tại biên lai số 0005891 ngày 18/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - tỉnh Đắk Lắk).

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 11;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 11;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Khánh Thoa